

Chữ in màu đen là lời thoại được dùng khi nói chuyện với cấp trên trong đơn vị.

Chữ in màu xanh là lời thoại được dùng khi nói chuyện với bạn bè, đồng nghiệp.

Hãy cùng học cách sử dụng kính ngữ !

Đối thoại cuối năm

Cấp trên : Chẳng còn bao lâu nữa là hết năm rồi nhỉ?

Nhân viên: Vâng, đúng là như vậy ạ. Thật may mắn thay vì đã có thể đón cuối năm một cách bình an vô sự.

Cấp trên : Thật là tốt quá nhỉ! Đã nhận được nhiều sự giúp đỡ từ anh rồi.

Nhân viên: Chính tôi trong suốt 1 năm qua cũng đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ từ anh mới phải.

Cấp trên: Năm sau cũng tiếp tục nhờ anh giúp đỡ.

Nhân viên: Vâng, tôi đã rõ rồi ạ. Năm mới tôi cũng rất mong nhận được sự giúp đỡ từ anh.

Cấp trên: Vậy thì, chúc anh một năm mới tốt lành!

Nhân viên : Cám ơn trưởng phòng rất nhiều. Chúc anh đón được một năm mới tốt đẹp.

A: Một chút nữa thôi là hết năm rồi nhỉ?

B: Ôn trời bằng cách nào đó cuối cùng cũng tới cuối năm một cách bình yên vô sự

A: Tốt rồi ha. Bạn vất vả rồi.

B: Bạn cũng vậy,cám ơn vì 1 năm qua nhé.

A: Vậy thì năm tới mong vẫn nhận sự giúp đỡ từ bạn nhé.

B: Uhm, mình cũng vậy. Năm mới cũng mong nhận nhiều sự giúp đỡ nhé.

A: Vậy thì năm mới vui vẻ nha!

B: Cảm ơn bạn ○○ nhé. Năm mới vui vẻ!

年末の会話

上司: ことしも のこり すこしに なってきましたね。

社員: そうですね。おかげさまで、ぶじに ねんまつを むかえることができました。

上司: それは、よかった。お世話になったね。

社員: こちらこそ、ことし 1年間 たいへん お世話になりました。

上司: らいねんも よろしく たのみますよ。

社員: はい、しょうち いたしました。

こちらこそ、あたらしい年も よろしくおねがいたします。

上司: じゃあ、よいおとしを。

社員: ありがとうございます。部長も、どうぞ よいおとしを おむかえください。

A: ことしも あと少しだね。

B: おかげで、なんとか ぶじに ねんまつを むかえられたわ。

A: それは、よかったね。おつかれさま。

B: こちらこそ、1年、^{ねん}ありがとうね。

A: じゃあ、らいねんも よろしくね。

B: うん。こっちこそ、らいねんも よろしく。

A: じゃあ、よい おとしを。

B: ありがとう。〇〇さんも よいおとしを。

Lời chào hỏi và mời rủ đầu năm

Cấp trên: Chúc mừng năm mới!

Nhân viên: Chúc trưởng phòng một năm mới vui vẻ. Một năm vừa qua đã làm phiền trưởng phòng rất nhiều. Hy vọng năm nay vẫn nhận được sự giúp đỡ từ anh.

Cấp trên: Chính tôi cũng mong nhận được sự giúp đỡ từ anh. Nhưng mà, ngày mai là có tổ chức tiệc tân niên đấy, anh 〇〇 có đi cùng chúng tôi luôn không?

Nhân viên: Cảm ơn vì lời mời của trưởng phòng. Chỉ là thật ngại quá, ngày mai tôi lại có lịch hẹn mất rồi.

Cấp trên: Vậy à. Thế thì để lần khác nhé.

Nhân viên: Vâng ạ, lúc nào cũng nhận được sự quan tâm từ trưởng phòng, tôi thật cảm ơn. Vậy thì, tôi xin phép trước.

A: Chúc mừng năm mới!

B: Chúc mừng năm mới bạn 〇〇 nha. Một năm vừa qua đã nhận rất nhiều sự giúp đỡ. Hy vọng năm nay cũng thế nhé.

A: Mình cũng thế, rất mong nhận được sự giúp đỡ. Thế nhưng mà, ngày mai có tổ chức tiệc tân niên ấy, bạn đi cùng luôn không?

B: Cảm ơn vì lời mời nha. Nhưng mà ngày mai mình có lịch hẹn mất rồi nên e rằng không thể đi được.

A: Vậy sao? Thế thì để lần tới nha!

B: Cảm ơn nhé! Vậy thì hẹn lần sau nha!

年始のあいさつ お誘い

上司: あけましておめでとう。

社員: しんねん あけましておめでとうございます。部長。^{ぶちやう}

さくねんは たいへん おせわになりました。ほんねんも よろしく おねがいたします。

上司: こちらこそ、よろしく おねがいたしますね。

ところで、あす、しんねんの しょくじかいを ひらくけど、〇〇さんも いっしょにどう？

社員: ありがとうございます。ただ、もうしわけございません。よていが はいっております。

上司: そうですか。では、またのきかいに。

社員: はい。いつも おこころにかけていただき きょうしゅくです。それでは、しつれいいたします。

A: あけましておめでとう。

B: ○○さん、あけましておめでとう。

きょねんは いろいろありがとうね。 ことしも よろしく。

A: こちらこそ、よろしく。

ところで、あした、しんねんの しょくじかいを するんだけど、○○さんも いっしょに こない？

B: ありがとう。でも、ごめんなさい。よていがあって いけないなあ。

A: そうなの。じゃあ、また こんどね。

B: うん。いつもありがとう。それじゃあ、また。